ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG
Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
Tel: 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

VILAS 1291

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NƯỚC

Số: 261110/947

Tên/địa chỉ khách hàng: **Mẫu nước trạm cấp nước Tân Hội, Xã Ô Diên, Hà Nội.**
Mô tả mẫu: 01 chai 1500ml/mẫu
Ngày lấy mẫu: 10/11/2026
Ngày phân tích: 10/11 - 17/11/2026
Địa điểm thử nghiệm: Tại Phòng Thí nghiệm Công ty
Kết quả phân tích như sau:

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	Coliform	SMEWW 9221:2023	CFU/100ml	KPH	< 1
2	E.coli hoặc coliform chịu nhiệt	SMEWW 9221:2023	CFU/100ml	KPH	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 B:2023	TCU	7	15
4	Mùi	Cảm quan	-	Không mùi lạ	Không mùi lạ
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,11	6,0 - 8,5
6	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,34	2
7	Arsenic (As)	TCVN 6626:2000	(mg/l)	0,003	0,01
8	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl.F:2023	(mg/l)	0,52	0,2 - 1,0
9	Chỉ số Pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	(mg/l)	< 1,00	2
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*)	HADO 03.2024	(mg/l)	0,30	1

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG
Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
Tel: 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
11	Chloride (Cl^-) (*)	TCVN 6194:1996	(mg/l)	16,0	250
12	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (*)	TCVN 6224:1996	(mg/l)	146	300
13	Magan (Mn) (*)	HADO 02.2024	(mg/l)	< 0,070	0,1
14	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HADO 05.2024	(mg/l)	1,0	11
15	Nitrit (NO_2^- tính theo N) (*)	HADO 04.2024	(mg/l)	< 0,020	0,9
16	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	HADO 01.2024	(mg/l)	< 0,15	0,3
17	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW2540-C:2023	(mg/l)	200	1000
18	Monochloramine	SMEWW4500-Cl F:2023	(mg/l)	0,56	3

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
(-): Không đơn vị/ Không phân tích.
(KPH): Không phát hiện.
Số: 261110/947

Hà Đông, ngày 17 tháng 11 năm 2026

TỔ XÉT NGHIỆM	PHÒNG THÍ NGHIỆM	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần T. Tô Phượng	*Nguyễn T. Thanh Nga*	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *Tô Anh Quân*

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG
Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
Tel: 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

VILAS 1291

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NƯỚC

Số: 261110/948

Tên/địa chỉ khách hàng: **Mẫu nước ngoại mạng trạm cấp nước Tân Hội - Hộ dân Nguyễn Chí Thiết, Số 5, ngõ 105, Thượng Hội, Xã Ô Diên, Hà Nội.**

Mô tả mẫu: 01 chai 1500ml/mẫu

Ngày lấy mẫu: 10/11/2026

Ngày phân tích: 10/11 - 17/11/2026

Địa điểm thử nghiệm: Tại Phòng Thí nghiệm Công ty

Kết quả phân tích như sau:

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	Coliform	SMEWW 9221:2023	CFU/100ml	KPH	< 1
2	E.coli hoặc coliform chịu nhiệt	SMEWW 9221:2023	CFU/100ml	KPH	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 B:2023	TCU	8	15
4	Mùi	Cảm quan	-	Không mùi lạ	Không mùi lạ
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,32	6,0 - 8,5
6	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,42	2
7	Arsenic (As)	TCVN 6626:2000	(mg/l)	0,003	0,01
8	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl.F:2023	(mg/l)	0,42	0,2 - 1,0
9	Chỉ số Pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	(mg/l)	< 1,00	2
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*)	HADO 03.2024	(mg/l)	< 0,25	1

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG
Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
Tel: 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
11	Chloride (Cl^-) (*)	TCVN 6194:1996	(mg/l)	14,6	250
12	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (*)	TCVN 6224:1996	(mg/l)	149	300
13	Magan (Mn) (*)	HADO 02.2024	(mg/l)	< 0,070	0,1
14	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HADO 05.2024	(mg/l)	1,2	11
15	Nitrit (NO_2^- tính theo N) (*)	HADO 04.2024	(mg/l)	0,023	0,9
16	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	HADO 01.2024	(mg/l)	< 0,15	0,3
17	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW2540-C:2023	(mg/l)	205	1000
18	Monochloramine	SMEWW4500-Cl F:2023	(mg/l)	0,32	3

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
(-): Không đơn vị/ Không phân tích.
(KPH): Không phát hiện.
(LOD): Là giới hạn phát hiện của phương pháp.
Số: 261110/948

Hà Đông, ngày 17 tháng 11 năm 2026

TỔ XÉT NGHIỆM	PHÒNG THÍ NGHIỆM	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần T. Tô Phượng	*Nguyễn T. Thanh Nga*	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *Tô Anh Quân*

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG
Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
Tel: 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

VILAS 1291

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NƯỚC

Số: 261110/949

Tên/địa chỉ khách hàng: **Mẫu nước ngoại mạng trạm cấp nước Tân Hội - Hộ dân Phạm Thị Vượng, Ngõ 47, Thượng Hội, Xã Ô Diên, Hà Nội.**

Mô tả mẫu: 01 chai 1500ml/mẫu

Ngày lấy mẫu: 10/11/2026

Ngày phân tích: 10/11 - 17/11/2026

Địa điểm thử nghiệm: Tại Phòng Thí nghiệm Công ty

Kết quả phân tích như sau:

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	Coliform	SMEWW 9221:2023	CFU/100ml	KPH	< 1
2	E.coli hoặc coliform chịu nhiệt	SMEWW 9221:2023	CFU/100ml	KPH	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 B:2023	TCU	8	15
4	Mùi	Cảm quan	-	Không mùi lạ	Không mùi lạ
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,21	6,0 - 8,5
6	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,38	2
7	Arsenic (As)	TCVN 6626:2000	(mg/l)	0,001	0,01
8	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl.F:2023	(mg/l)	0,38	0,2 - 1,0
9	Chỉ số Pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	(mg/l)	< 1,00	2
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*)	HADO 03.2024	(mg/l)	< 0,25	1

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG
Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội
Tel: 02433.527.332 **Email:** nuocsachhadong.tnn@gmail.com

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
11	Chloride (Cl^-) (*)	TCVN 6194:1996	(mg/l)	14,2	250
12	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (*)	TCVN 6224:1996	(mg/l)	145	300
13	Magan (Mn) (*)	HADO 02.2024	(mg/l)	< 0,070	0,1
14	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HADO 05.2024	(mg/l)	1,8	11
15	Nitrit (NO_2^- tính theo N) (*)	HADO 04.2024	(mg/l)	0,038	0,9
16	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	HADO 01.2024	(mg/l)	< 0,15	0,3
17	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW2540-C:2023	(mg/l)	209	1000
18	Monochloramine	SMEWW4500-Cl F:2023	(mg/l)	0,28	3

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
(-): Không đơn vị/ Không phân tích.
(KPH): Không phát hiện.
Số: 261110/949

Hà Đông, ngày 17 tháng 11 năm 2026

TỔ XÉT NGHIỆM

Trần T. Tô Phượng

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn T. Thanh Nga

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Tô Anh Quân

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.